TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2019/DS-ST Ngày: 18-7-2019 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán hàng hóa.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Nguyễn Quang Châu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thị Hường – Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Tống Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 18/7/2019, tại phòng xử án Toà án nhân dân huyện Krông Nô, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 101/2018/TLST-DS, ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc "Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 17/2019/QĐST – DS, ngày 18/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị D; Địa chỉ: Tổ 01, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đ – Có mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị H; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2018 và các lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 10/01/2011 bà Lê Thị D có cho bà Phạm Thị H vay số tiền 30.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, hai bên thỏa thuận tính lãi là 3,5%/tháng. Đồng thời trong thời gian từ năm 2010 đến cuối năm 2012 bà D có bán thịt heo cho bà H nhiều lần, tính đến cuối năm 2012 thì bà H nợ tiền thịt heo

của bà D với số tiền là 24.000.000 đồng. Do bà H không thanh toán tiền vay và tiền mua thịt cho bà D nên đến ngày 30/12/2012 (âm lịch), tức ngày 10/02/2013 (dương lịch) giữa bà D và bà H chốt nợ với nhau thì bà H nợ bà D số tiền là 54.000.000 đồng, hai bện thỏa thuận đến ngày 30/10/2015 (âm lịch), tức ngày 11/12/2015 (dương lịch) bà H sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho bà D.

Quá hạn thanh toán số tiền 54.000.000 đồng nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ như thoả thuận, đã nhiều lần bà D yêu cầu bà H thanh toán nợ nhưng bà H cố tình không trả nợ. Vì vậy bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị H phải thanh toán số nợ gốc là 54.000.000 và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà D yêu cầu Tòa án buộc bà H phải thanh toán cho bà D số tiền nợ gốc là 54.000.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai bà Phạm Thị H trình bày: Bà H chỉ thừa nhận có vay của bà D số tiền là 15.000.000 đồng cho em gái là bà Phạm Thị H, bà H là người viết giấy và bà H là người nhận tiền và ký vào phần người vay tiền. Hiện nay bà H địa chỉ cụ thể ở đâu thì bà H không biết mà bà H chỉ biết ở huyện E, tỉnh Đ. Khi bà H vay tiền của bà D cho bà H thì hai bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ và cũng không thỏa thuận lãi suất. Bà H không thừa nhận vay của bà D số tiền 54.000.000 đồng và cũng không thừa nhận ký vào giấy vay tiền ngày 30/12/2012 (âm lịch). Bà H không yêu cầu giám định chữ ký, chũ viết trong giấy vay tiền ngày 30/12/2012 (âm lịch). Trước yêu cầu khởi kiện của bà D yêu cầu Tòa án buộc bà H phải thanh toán cho bà D số tiền 54.000.000 đồng và lãi suất phát sinh thì bà H không chấp nhận. Bà H chỉ chấp nhận thanh toán 15.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H phải thanh toán cho bà D số tiền nợ gốc là 54.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà D về yêu cầu tính lãi suất.

Về chi phí giám định: Do yêu cầu giám định của bà D là có căn cứ nên bà Phạm Thị H phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định.

Về án phí: Bị đơn bà Phạm Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Dân sự tranh chấp về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán hàng hóa"; Bị đơn bà Phạm Thị H có địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị H vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H vẫn không có mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Ngày 10/01/2011 bà Lê Thị D có cho bà Phạm Thị H vay số tiền 30.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, hai bên thỏa thuận tính lãi là 3,5%/tháng. Đồng thời trong thời gian từ năm 2010 đến cuối năm 2012 bà D có bán thịt heo cho bà H nhiều lần, tính đến cuối năm 2012 thì bà H nợ tiền thịt heo của bà D với số tiền là 24.000.000 đồng. Do bà H không thanh toán tiền vay và tiền mua thịt cho bà D nên đến ngày 30/12/2012 (âm lịch) giữa bà D và bà H chốt nợ với nhau thì bà H nợ bà D số tiền là 54.000.000 đồng, hai bện thỏa thuận đến ngày 30/10/2015 (âm lịch), tức ngày 11/12/2015(dương lịch) bà H sẽ thanh toán bà D.

[4]. Bà Phạm Thị H chỉ thừa nhận nợ bà Lê Thị D số tiền 15.000.000 đồng, khoản nợ này là do bà H vay cho em gái của mình là bà Phạm Thị H, bà H là người trực tiếp nhận tiền và ký xác nhận vào phần người vay tiền. Bà H không biết chính xác địa chỉ của bà H mà chỉ biết ở huyện E, tỉnh Đ. Bà H không thừa nhận nợ bà D 54.000.000 đồng và cũng không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 30/12/2012 (âm lịch) là của bà H. Tuy nhiên bà H không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết đồng thời bà H cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh.

[5]. Tại phiên tòa ngày 18/6/2019 nguyên đơn bà Lê Thị D đề nghị tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị H trong giấy vay tiền đề ngày 30/10/2012 (âm lịch), tức ngày 10/02/2013 (dương lịch) so với chữ viết của bà Phạm Thị H tại biên bản bàn giao, biên bản lấy lời khai có phải do cùng một người ký ra hay không.

[6]. Tại bản kết luận giám định số 107/GĐTL – PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ viết mang tên Phạm Thị H dưới mục người vay tiền cần giám định so với chữ viết của Phạm Thị H trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

[7]. Xét hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán hàng hóa giữa bà Lê Thị D với bà Phạm Thị H được giao kết hợp pháp, phát sinh hiệu lực và các bên có nghĩa

vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Đến thời hạn nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán cho bà D số tiền 54.000.000 đồng là có căn cứ.

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2019 bà D yêu cầu bà H phải thanh toán số nợ gốc là 54.000.000 và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà D về yêu cầu tính lãi suất.

[8]. Về chi phí giám định: Tổng số tiền chi phí giám định là 6.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu giám định của bà D là có căn cứ nên bà Phạm Thị H phải chịu toàn bộ số tiền trên. Bà Phạm Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị D số tiền 6.000.000 đồng.

[9]. Về án phí : Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà Phạm Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Nguyên đơn bà Lê Thị D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 144, 147, 161,162, 227, 235,244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, 275, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Phạm Thị H phải thanh toán cho bà Lê Thị D số tiền 54.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của bà D.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí giám định: Tổng số tiền chi phí giám định là 6.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu giám định của bà D là có căn cứ nên bà Phạm Thị H phải chịu toàn bộ

số tiền trên. Bà Phạm Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị D số tiền 6.000.000 đồng

4. Về án phí dân sự sở thẩm: Buộc bà Phạm Thị H phải chịu 2.700.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Lê Thị D 1.350.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003091ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án lên tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

6. *Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện Krông Nô (02bản);*
- *Chi cục THADS huyện Krông Nô;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

LÊ THỊ TÍM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tím

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

LÊ THỊ TÍM

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện Krông Nô (02 bản);*
- *Chi cục THADS huyện Krông Nô;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Trọng Sơn

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựơc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.